

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SẢN XUẤT  
THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016  
(Đã được kiểm toán)*

**CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
NGÀY: 14 -08- 2017  
Số 2702 QUYỀN..... 04 TP/CT-SCT

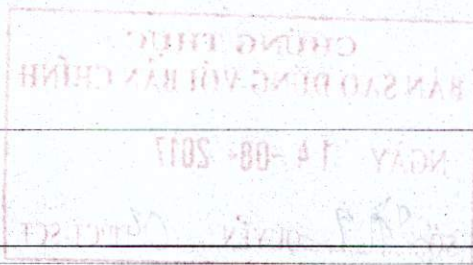


*[Handwritten signature]*  
**TRẦN ĐỨC THIÊN**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1-2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3-4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-24



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc là Công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam giữa Công ty Điện lực I - Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc) và Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên, Hà Nam - Trung Quốc với thời gian hoạt động là 30 năm theo Giấy phép đầu tư sửa đổi số 12/GP-BN/GCNĐC-21-1 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/05/2007.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tham gia điều hành trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

Ông: Đỗ Thế Ngân	Chủ tịch
Ông: Điền Thư Á	Thành viên
Ông: Nguyễn Kim Lục	Thành viên
Ông: Đoàn Bảo Thuận	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông: Tô Mậu Quân	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Khắc Kỳ	Phó Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ngày 27/04/2016, Công ty chính thức chuyển đổi hình thức doanh nghiệp sang Công ty cổ phần (Công ty cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27/04/2016. Theo đó, Báo cáo tài chính được lập kèm theo Báo cáo này được lập, ký và đóng dấu của công ty cổ phần thiết bị điện Miền Bắc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

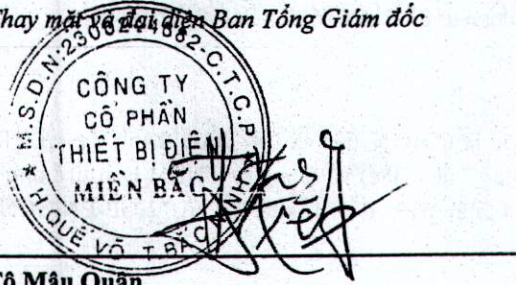
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



**Tô Mậu Quân**  
**Tổng Giám đốc**

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2016



Thành viên Hãng Kiểm toán MGI Quốc tế



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình 1, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội  
Tel: (+84 4) 38689 566/88 • Fax: (+84 4) 38686 248 • Web: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)

Số: 1813/BCKT-TC/AVA-NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Liên doanh sản xuất thiết bị điện Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18/11/2016, từ trang 05 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 26/04/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc tại ngày 26/04/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số VI.2, năm 2015 Công ty ghi nhận thiếu 254.400.000 đồng chi phí nhân công, 85.000.000 đồng chi phí tiền vận chuyển vật tư vào giá vốn năm 2015 của công trình "Lắp đặt tụ bù hạ áp trên lưới điện tỉnh Lai Châu kế hoạch năm 2015". Do đó, toàn bộ phần giá trị này đang được Công ty hạch toán vào giá vốn năm 2016 dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016 lỗ một khoản tương ứng.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 26/01/2016.

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**



**Ths. Nguyễn Sơn Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
GCNĐKHNT số 0591-2014-126-1  
*Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2016*

**Ngô Quang Tiến**  
**Kiểm toán viên**  
GCNĐKHNT số 0448-2014-126-1

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 26 tháng 04 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	26/04/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>29.021.806.484</b>	<b>34.081.828.440</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>9.408.543.637</b>	<b>12.867.761.440</b>
1. Tiền	111		3.408.543.637	12.867.761.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>700.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	700.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.786.387.740</b>	<b>13.869.047.377</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.276.188.331	13.634.514.781
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	166.938.200	182.340.121
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	343.261.209	52.192.475
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>10.414.785.927</b>	<b>7.345.019.623</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.414.785.927	7.345.019.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>712.089.180</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	306.654.545	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		391.088.770	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	14.345.865	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10.200.790.024</b>	<b>10.433.408.136</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.200.790.024</b>	<b>10.433.408.136</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	7.199.383.088	7.376.419.592
- Nguyên giá	222		19.365.010.382	19.365.010.382
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(12.165.627.294)	(11.988.590.790)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	3.001.406.936	3.056.988.544
- Nguyên giá	228		4.835.600.000	4.835.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.834.193.064)	(1.778.611.456)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>39.222.596.508</b>	<b>44.515.236.576</b>

Mẫu số B01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 26 tháng 04 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	26/04/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.917.371.632</b>	<b>14.917.796.129</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.917.371.632</b>	<b>14.917.796.129</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	11.584.268.212	11.561.616.722
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	65.082.600	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	49.410.608	1.395.897.361
4. Phải trả người lao động	314		30.358.472	459.782.572
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	264.880.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	976.708.146	873.575.880
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		211.543.594	362.043.594
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>26.305.224.876</b>	<b>29.597.440.447</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.15	<b>26.305.224.876</b>	<b>29.597.440.447</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		28.438.995.120	28.438.995.120
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		28.438.995.120	28.438.995.120
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		362.000.000	362.000.000
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(2.495.770.244)	796.445.327
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		796.445.327	724.043.000
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(3.292.215.571)	72.402.327
7. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>39.222.596.508</b>	<b>44.515.236.576</b>

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2016

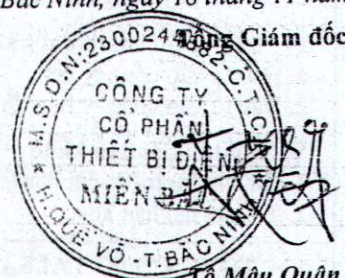
Người lập biểu

Kế toán trưởng

*Handwritten signature of Vũ Thị Liên*

Vũ Thị Liên

Ngô Thị Hồng Oanh



Tô Mậu Quân



Mẫu số B02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	750.526.023	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>750.526.023</b>	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.237.091.643	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(486.565.620)</b>	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	112.855.679	-
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.572.416	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	657.001.259	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.268.655.066	-
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(3.308.938.682)</b>	-
11. Thu nhập khác	31	VI.6	33.727.080	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	17.003.969	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>16.723.111</b>	-
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(3.292.215.571)</b>	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(3.292.215.571)</b>	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Vũ Thị Liên

Ngô Thị Hồng Oanh

Tô Mậu Quân



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.292.215.571)	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		232.618.112	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(105.047.110)	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(112.855.679)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.277.500.248)	-
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		5.691.570.867	-
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		(3.069.766.304)	-
- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.113.529.087)	-
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(306.654.545)	-
- Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(532.838.486)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(150.500.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.759.217.803)</b>	-
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ T.lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(700.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(700.000.000)</b>	-
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.459.217.803)</b>	-
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>12.867.761.440</b>	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>9.408.543.637</b>	-

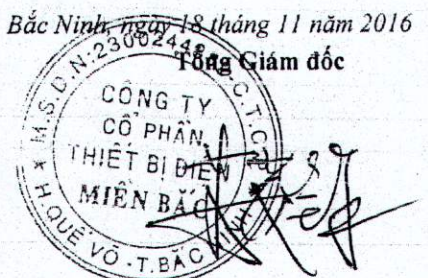
Người lập biểu

Giám đốc tài chính

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2016

Tổng Giám đốc

*Thị Liên*



Vũ Thị Liên

Ngô Thị Hồng Oanh

Tô Mậu Quân

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc là Công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam giữa Công ty Điện lực I - Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc) và Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên, Hà Nam - Trung Quốc với thời gian hoạt động là 30 năm theo Giấy phép đầu tư sửa đổi số 12/GP-BN/GCNĐC-21-1 do UBND tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/05/2007.

Vốn pháp định và vốn đầu tư của Công ty là 28.438.995.120 VND (tương đương 1.800.000 USD), trong đó mỗi bên Việt Nam và bên nước ngoài góp 50% vốn pháp định.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, lắp ráp, kinh doanh tủ bảng điện cao áp, trung áp, hạ áp và các tủ bảng thông tin - viễn thông. Năng lực sản xuất ổn định đạt 66.000 tủ bảng điện các loại/năm.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Kỳ kế toán

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán hoạt động từ 01/01/2016 đến 26/04/2016 nhằm mục đích chia cắt kỳ kế toán và bàn giao sang Công ty cổ phần.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

###### ***Ghi nhận ban đầu***

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

###### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### Tài sản cố định và khấu hao

#### *Tài sản cố định hữu hình và khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	12-29 năm
- Máy móc thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	04 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Tài sản cố định vô hình và khấu hao*

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian tính khấu hao TSCĐ vô hình là: 29 năm.

### Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

## Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng (nếu có và lãi tiền gửi được đánh giá là trọng yếu).

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

## Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối hay chia cho các chủ sở hữu.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá ảnh hưởng trong việc tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế tới Báo cáo tài chính của Công ty, việc xác định sau cùng về nghĩa vụ của Công ty tùy thuộc vào kết quả thanh kiểm tra của cơ quan thuế. Công ty sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước sau khi nhận được Thông báo từ cơ quan có thẩm quyền.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

	26/04/2016	01/01/2016
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
<i>Tiền</i>	<b>3.408.543.637</b>	<b>12.867.761.440</b>
- Tiền mặt tại quỹ	45.644.419	213.126.098
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.362.899.218	12.654.635.342
<i>Các khoản tương đương tiền (*)</i>	<b>6.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.408.543.637</b>	<b>12.867.761.440</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 26/04/2016 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội. Thời hạn từ 06/01/2016 đến ngày 06/02/2016. Lãi suất tiền gửi 4,6%/năm.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	26/04/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
- <i>Ngắn hạn</i>	<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	700.000.000	700.000.000	-	-
- <i>Dài hạn</i>	-	-	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>700.000.000</b>	<b>700.000.000</b>	-	-

**3. Phải thu khách hàng**

Đối tượng	26/04/2016	01/01/2016
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>7.276.188.331</b>	<b>13.634.514.787</b>
- Công ty Điện lực Hà Tĩnh	1.232.158.137	1.232.158.137
- Công ty Điện lực Lai Châu	2.350.596.035	4.750.599.000
- Công ty lưới điện cao thế Miền Bắc	2.169.439.609	2.169.439.609
- Công ty Điện lực Sơn La	-	2.953.750.800
- Công ty Điện lực Tuyên Quang	-	994.486.000
- Khách hàng khác	1.523.994.550	1.534.081.200
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng (*2)</b>	<b>7.276.188.331</b>	<b>13.634.514.787</b>

(\*2) Phải thu các bên liên quan xem tại thuyết minh VII.2

**4. Trả trước người bán**

	26/04/2016	01/01/2016
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>166.938.200</b>	<b>182.340.121</b>
- Công ty TNHH Tư vấn doanh nghiệp Việt Luật	71.000.000	71.000.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đại Dũng	-	111.340.121
- Công ty TNHH TM và SX Trường Thắng	22.646.800	-
- Công ty TNHH Công nghệ & TM Việt Quang	25.355.000	-
- Đoàn Thị Thìn	33.936.400	-
- Công ty TNHH SX và TM thiết bị điện Lộc Phát	14.000.000	-
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>166.938.200</b>	<b>182.340.121</b>



5. Phải thu khác	26/04/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>343.261.209</b>	-	<b>52.192.475</b>	-
- Phải thu người lao động (Tạm ứng)	260.253.600	-	25.800.000	-
- Kỹ quỹ, ký cược	81.892.475	-	26.392.475	-
- Các khoản phải thu khác	1.115.134	-	-	-
<i>b) Dài hạn</i>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>343.261.209</b>	-	<b>52.192.475</b>	-

6. Hàng tồn kho	26/04/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	4.758.773.492	-	3.647.976.762	-
- Công cụ, dụng cụ	59.858.664	-	55.932.664	-
- Chi phí sản xuất KD dở dang	4.589.774.286	-	2.628.952.257	-
- Thành phẩm	840.382.650	-	846.161.105	-
- Hàng hóa	165.996.835	-	165.996.835	-
<b>Cộng</b>	<b>10.414.785.927</b>	-	<b>7.345.019.623</b>	-

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tại ngày 26/04/2016 là: 10.414.785.927 đồng

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Xem phụ lục số 01 kèm theo

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>				
Số dư đầu kỳ	-	4.835.600.000	-	4.835.600.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>4.835.600.000</b>	-	<b>4.835.600.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	-	1.778.611.456	-	1.778.611.456
Số tăng trong kỳ	-	55.581.608	-	55.581.608
- Khấu hao trong kỳ	-	55.581.608	-	55.581.608
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	<b>1.834.193.064</b>	-	<b>1.834.193.064</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu kỳ	-	3.056.988.544	-	3.056.988.544
Tại ngày cuối kỳ	-	3.001.406.936	-	3.001.406.936

<b>9. Chi phí trả trước</b>		<b>26/04/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<i>a) Ngắn hạn</i>		<b>306.654.545</b>	-
- Chi phí hội nghị khách hàng		306.654.545	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác		-	-
<i>b) Dài hạn</i>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>306.654.545</b>	-

<b>10. Phải trả người bán</b>		<b>26/04/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
<b>Đối tượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<b>11.584.268.212</b>	<b>11.584.268.212</b>	<b>11.561.616.722</b>	<b>11.561.616.722</b>	
- Cty TNHH Đầu tư Long Nguyên - Hà Nam	11.445.010.812	11.445.010.812	11.550.057.922	11.550.057.922	
- Khách hàng khác	139.257.400	139.257.400	11.558.800	11.558.800	
<i>b) Phải trả người bán dài hạn</i>	-	-	-	-	
<i>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-	-	-	
<i>d) Phải trả người bán là các bên LQ</i>	-	-	-	-	
<b>Cộng (*3)</b>	<b>11.584.268.212</b>	<b>11.584.268.212</b>	<b>11.561.616.722</b>	<b>11.561.616.722</b>	

(\*3) Thông tin về phải trả người bán là các bên liên quan của Công ty: Thuyết minh số VII.2.

<b>11. Người mua trả tiền trước</b>		<b>26/04/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<i>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>		<b>65.082.600</b>	-
- Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu		65.082.600	-
- Khách hàng khác		-	-
<i>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</i>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>65.082.600</b>	-

<b>12. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước</b>		<b>26/04/2016</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>01/01/2016</b>
<i>a) Các khoản phải nộp</i>	<b>49.410.608</b>	<b>248.725.570</b>	<b>1.595.212.323</b>	<b>1.395.897.360</b>	
Thuế GTGT phải nộp	49.410.608	228.010.465	1.041.658.732	863.058.875	
Thuế GTGT đầu ra	49.410.608	49.410.608	863.058.875	863.058.875	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	178.599.857	178.599.857	-	
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	17.715.105	17.715.105	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	532.838.486	532.838.486	
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-	
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-	
<i>b) Các khoản phải thu</i>	<b>14.345.865</b>	<b>19.584.000</b>	<b>33.929.865</b>	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	14.345.865	19.584.000	33.929.865	-	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	26/04/2016	01/01/2016
<b>13. Chi phí phải trả</b>		
<i>a) Ngắn hạn</i>	-	264.880.000
- Trích trước chi phí phụ cấp HĐQT năm 2015	-	218.880.000
- Trích trước phí kiểm toán 2015	-	46.000.000
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>264.880.000</b>

	26/04/2016	01/01/2016
<b>14. Phải trả khác</b>		
<i>a) Ngắn hạn</i>	976.708.146	873.575.880
- Kinh phí công đoàn	29.047.846	-
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	65.737.980	-
- Các khoản phải trả phải nộp khác	881.922.320	873.575.880
<i>Cổ tức phải trả Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc</i>	426.585.000	426.585.000
<i>Cổ tức phải trả Cty TNHH Đầu tư Long Nguyên - Hà Nam</i>	426.585.000	426.585.000
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	28.752.320	20.405.880
<i>b) Dài hạn</i>	-	-
<i>c) Các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>976.708.146</b>	<b>873.575.880</b>

**15. Vốn chủ sở hữu**

*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	28.438.995.120	-	2.301.256.594	30.740.251.714
- Lãi trong năm trước	-	-	72.402.327	72.402.327
- Tăng khác	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận	-	362.000.000	(724.043.594)	(362.043.594)
- Chia cổ tức	-	-	(853.170.000)	(853.170.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	28.438.995.120	362.000.000	796.445.327	29.597.440.447
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ này	-	-	(3.292.215.571)	(3.292.215.571)
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	28.438.995.120	362.000.000	(2.495.770.244)	26.305.224.876

*b) Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu*

	26/04/2016		01/01/2016	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
<b>Vốn góp phía Việt Nam</b>				
- Tổng Công ty Điện lực Việt Nam	50%	14.219.497.560	50%	14.219.497.560
<b>Vốn góp phía Trung Quốc</b>				
- Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên - Hà Nam	50%	14.219.497.560	50%	14.219.497.560
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>28.438.995.120</b>	<b>100%</b>	<b>28.438.995.120</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	28.438.995.120	28.438.995.120
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	28.438.995.120	28.438.995.120

d) Các quỹ của doanh nghiệp

	26/04/2016	01/01/2016
- Quỹ đầu tư phát triển	362.000.000	362.000.000
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	26/04/2016	01/01/2016
- Tiền USD	555,44	555,44

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
- Doanh thu bán hàng hóa (*4)	750.526.023	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>750.526.023</b>	<b>-</b>

(\*4) Thông tin về doanh thu đối với các bên liên quan của Công ty: Thuyết minh số VII.2.

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của hàng hóa (*5)	1.237.091.643	-
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.237.091.643</b>	<b>-</b>

(\*5) Trong đó, công trình "Lắp đặt tụ bù hạ áp trên lưới điện tỉnh Lai Châu kế hoạch năm 2015" đã hoàn thành xong và nhận doanh thu, giá vốn năm 2015. Tuy nhiên, Công ty ghi nhận thiếu giá vốn trên Báo cáo tài chính năm 2015 chi phí nhận công với số tiền 254.400.000 đồng và chi phí vận chuyển với số tiền 85.000.000 đồng. Toàn bộ giá trị này được Công ty ghi nhận vào giá vốn năm 2016.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.808.569	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (do đánh giá lại số dư C/kỳ)	105.047.110	-
<b>Cộng</b>	<b>112.855.679</b>	<b>-</b>

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong kỳ	9.468.720	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (do đánh giá lại số dư C/kỳ)	103.696	-
<b>Cộng</b>	<b>9.572.416</b>	<b>-</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

*Các khoản chi phí bán hàng*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên	266.658.013	-
- Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng	17.113.245	-
- Chi phí khác bằng tiền	373.230.001	-
<b>Cộng</b>	<b>657.001.259</b>	<b>-</b>

*Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.388.647.681	-
- Chi phí vật liệu, dụng cụ, đồ dùng	486.427	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	146.270.120	-
- Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.813.709	-
- Chi phí bằng tiền khác	504.437.129	-
<b>Cộng</b>	<b>2.268.655.066</b>	<b>-</b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Thu nhập từ bán đồng vụn, dây điện vụn	33.727.080	-
- Thu nhập khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.727.080</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí bán đồng vụn, dây điện vụn	7.203.820	-
- Chi phí khác	9.800.149	-
<b>Cộng</b>	<b>17.003.969</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.536.805.429	-
- Chi phí nhân công	2.202.086.882	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	232.618.112	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	470.333.439	-
- Chi phí khác bằng tiền	877.667.130	-
<b>Cộng</b>	<b>5.319.510.992</b>	<b>-</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 27/04/2016, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27/04/2016. Theo đó, từ ngày 27/04/2016, toàn bộ số liệu kế toán của Công ty sẽ được chuyển sang thành số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần mới.

2. Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan có phát sinh giao dịch

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (EVN NPC)	Bên góp vốn
Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên - Hà Nam	Bên góp vốn

b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Mối liên hệ	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Cung cấp hàng hóa, dịch vụ</b>			
Công ty Điện lực Lào Cai	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	172.646.000	
Bán tủ điện, công tơ		172.646.000	-

c) Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối liên hệ	26/04/2016	01/01/2016
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty Điện lực Lai Châu	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	2.350.596.035	4.750.599.035
Công ty Điện lực Hà Tĩnh	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	1.232.158.137	1.232.158.137
Công ty lưới điện cao thế Miền Bắc	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	2.169.439.609	2.169.439.609
Công ty Điện lực Sơn La	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	-	2.953.750.800
Công ty Điện lực Tuyên Quang	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	-	994.486.000
Công ty Điện lực Thanh Hóa	Đơn vị trực thuộc EVN NPC	609.200	609.200
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên - Hà Nam	Bên góp vốn	11.445.010.812	11.550.057.912
<b>Phải trả, phải nộp khác</b>			
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Bên góp vốn	426.585.000	426.585.000
Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên - Hà Nam	Bên góp vốn	426.585.000	426.585.000

d) Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng thành viên

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương	141.314.552	-
Tiền thưởng	27.120.000	-
Thù lao, các khoản khác	97.920.000	-
<b>Cộng</b>	<b>266.354.552</b>	-

3. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán (giá trị thuần)	
	26/04/2016	01/01/2016
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.408.543.637	12.867.761.440
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.537.557.065	13.660.314.781
Đầu tư ngắn hạn	700.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Các khoản ký quỹ	81.892.475	26.392.475
<b>Cộng</b>	<b>17.727.993.177</b>	<b>26.554.468.696</b>

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán (giá trị thuần)	
	26/04/2016	01/01/2016
Phải trả người bán, phải trả khác	12.560.976.358	12.435.192.602
Chi phí phải trả	-	264.880.000
Các khoản vay	-	-
Công nợ tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.560.976.358</b>	<b>12.700.072.602</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

*(Rủi ro thanh khoản - tiếp theo)*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính	Dưới 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Tại ngày 26/04/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.408.543.637	-	-	9.408.543.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.537.557.065	-	-	7.537.557.065
Đầu tư ngắn hạn	700.000.000	-	-	700.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Các khoản ký quỹ	81.892.475	-	-	81.892.475
<b>Cộng</b>	<b>17.727.993.177</b>	-	-	<b>17.727.993.177</b>
	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Từ 01 - 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 26/04/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	12.560.976.358	-	-	12.560.976.358
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản vay	-	-	-	-
Công nợ tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.560.976.358</b>	-	-	<b>12.560.976.358</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>5.167.016.819</b>	-	-	<b>5.167.016.819</b>
	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Từ 01 - 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.867.761.440	-	-	12.867.761.440
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.660.314.781	-	-	13.660.314.781
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-
Các khoản ký quỹ	26.392.475	-	-	26.392.475
<b>Cộng</b>	<b>26.554.468.696</b>	-	-	<b>26.554.468.696</b>
	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Từ 01 - 05 năm</b>	<b>Trên 05 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	12.435.192.602	-	-	12.435.192.602
Chi phí phải trả	264.880.000	-	-	264.880.000
Các khoản vay	-	-	-	-
Công nợ tài chính khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.700.072.602</b>	-	-	<b>12.700.072.602</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>13.854.396.094</b>	-	-	<b>13.854.396.094</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản hoàn toàn nằm trong khả năng kiểm soát của Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Công ty có đầy đủ khả năng để tạo ra đủ nguồn tiền từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**4. Thông tin so sánh**

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 26/04/2016 được so sánh với số liệu trên báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh và trên Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016 không thể so sánh được với số liệu trong cùng giai đoạn kỳ trước do tại ngày 26/04/2016 Công ty không lập Báo cáo tài chính cho kỳ trước.

**Người lập biểu**

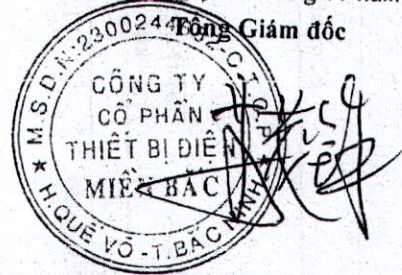
*Vũ Thị Liên*

**Giám đốc tài chính**

*Ngô Thị Hồng Oanh*

*Bắc Ninh, ngày 18 tháng 11 năm 2016*

**Tổng Giám đốc**



*Tô Mậu Quân*

**CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC**  
 KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Thuyết minh Báo cáo tài chính  
 Cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 26/04/2016

**Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị, DCQL	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	10.093.228.091	8.141.644.740	1.005.692.963	53.363.636	71.080.952	19.365.010.382
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
ĐT XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	10.093.228.091	8.141.644.740	1.005.692.963	53.363.636	71.080.952	19.365.010.382
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	3.698.438.283	7.650.306.992	515.400.927	53.363.636	71.080.952	11.988.590.790
Số tăng trong kỳ	117.510.052	31.103.724	28.422.728	-	-	177.036.504
Khấu hao trong kỳ	117.510.052	31.103.724	28.422.728	-	-	177.036.504
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.815.948.335	7.681.410.716	543.823.655	53.363.636	71.080.952	12.165.627.294
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	6.394.789.808	491.337.748	490.292.036	-	-	7.376.419.592
Tại ngày cuối kỳ	6.277.279.756	460.234.024	461.869.308	-	-	7.199.383.088

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

7.621.536.280